

Số: ~~4129~~/STNMT-QHKHSDĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

V/v kết quả kiểm tra hồ sơ pháp lý phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người mua đối với 41 căn nhà thấp tầng thuộc dự án Khu nhà ở thương mại tại Tổ 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm.

Kính gửi:

- Công ty cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7;
- Cá nhân, tổ chức mua căn nhà thấp tầng thuộc dự án Khu nhà ở thương mại tại Tổ 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ của Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7 đề nghị kiểm tra hồ sơ pháp lý phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người mua đối với 41 căn nhà thấp tầng thuộc dự án Khu nhà ở thương mại tại Tổ 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ đủ điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người mua đối với 41 căn nhà thấp tầng thuộc dự án Khu nhà ở thương mại tại Tổ 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm do Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7 làm chủ đầu tư (kèm theo danh sách 41 căn nhà ở thấp tầng do chủ đầu tư cung cấp).

2. Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7 có trách nhiệm nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay cho người mua nhà hoặc cung cấp hồ sơ cho bên mua để tự đi đăng ký theo quy định.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội có trách nhiệm:

- Kiểm tra các giấy tờ pháp lý trong hồ sơ; xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào đơn đăng ký;

- Gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính;

- Cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có);

- Thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023) của Chính phủ;

- Yêu cầu chủ đầu tư dự án nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp (nếu có) để chỉnh lý vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

- Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7 và các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện theo quy định./.


**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở; (Để b/cáo)
- VP UBND TP; (Để đăng Website UBND TP)
- Trung tâm CNTT; (Để đăng Website Sở)
- Văn phòng ĐKĐDHN; (Để thực hiện)
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- Lưu: VT, QHKHSDD.

HS 13090.2023/QHKHSDD



**Nguyễn Minh Tấn**



**Danh sách 41 căn nhà thấp tầng thuộc dự án Khu nhà ở thương mại tại Tổ 6, phường  
Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm do Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và  
Khu công nghiệp Sông Đà 7 cung cấp**

(Kèm theo Văn bản số ...../STNMT-QHKHSDĐ ngày 08/6./2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Mã căn	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	1-LK1	105,8	73,9	
2	2-LK1	100,8	62,1	
3	3-LK1	100,8	62,1	
4	4-LK1	100,8	62,1	
5	5-LK1	100,8	62,1	
6	6-LK1	100,8	62,1	
7	7-LK1	100,8	62,1	
8	8-LK1	100,8	62,1	
9	9-LK1	100,8	62,1	
10	10-LK1	100,8	62,1	
11	11-LK1	106,2	73,9	
12	1-LK2	171,4	73,9	
13	2-LK2	133,4	62,1	
14	3-LK2	95,7	56,1	
15	4-LK2	88,3	56,1	
16	5-LK2	88,1	56,1	
17	6-LK2	96,3	56,1	
18	7-LK2	90	56,1	
19	8-LK2	90	56,1	
20	9-LK2	90	56,1	
21	10-LK2	90	56,1	
22	1-LK3	129,2	67,2	
23	2-LK3	90	56,1	
24	3-LK3	90	56,1	
25	4-LK3	90	56,1	
26	5-LK3	90	56,1	
27	6-LK3	90	56,1	
28	7-LK3	90	56,1	
29	8-LK3	90	56,1	
30	9-LK3	90	56,1	
31	10-LK3	90	56,1	
32	11-LK3	90	56,1	
33	12-LK3	127,6	67,2	
34	1-LK4	99,6	62,1	
35	2-LK4	99,6	62,1	
36	3-LK4	99,6	62,1	

STT	Mã căn	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Ghi chú
37	4-LK4	99,6	62,1	
38	5-LK4	99,6	62,1	
39	6-LK4	99,6	62,1	
40	7-LK4	99,6	62,1	
41	8-LK4	205,8	93,9	
	<b>Tổng số</b>	<b>4.192,2</b>	<b>2.151,5</b>	